

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2021.

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 07-8-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 27-4-2021 về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-7-2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐHPT-HNGĐST ngày 21-7-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989, (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Phùng Thị T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn G, xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 02-6-2014. Nguyên nhân mâu thuẫn:

- Theo chị N trình bày: Do vợ chồng bất đồng về tính cách, anh Đ ít nói, sống không có tình cảm, không quan tâm và trách nhiệm với vợ con. Tháng 1-2021 chị đã đưa con về nhà để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, tuy anh Đ và gia đình có 2-3 lần đến gặp gỡ khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Theo bị đơn anh Đ trình bày: Do anh ít quan tâm đến chị N, ngoài ra còn nguyên nhân khác, anh có nghe về việc chị N có quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh không biết tên, tuổi địa chỉ mà chỉ là dư luận dẫn đến vợ chồng không tin tưởng và nghi ngờ nên không quan tâm và trách nhiệm với nhau. Tháng 01-2021 chị N đã đưa con về bên ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, anh và gia đình cũng đã 2-3 lần đến tìm chị N về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị N xin ly hôn anh không đồng ý. Nếu chị N kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị N, anh Đ đều trình bày: Vợ chồng có 01 con là Lê Thị Ánh N1, sinh ngày 04-8-2014, con do chị N đang nuôi dưỡng. Ly hôn, chị N và anh Đ đều xin nuôi con, chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con, mức cấp dưỡng bao nhiêu tùy chị N.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N và anh Đ đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng là bà Phùng Thị T (mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Tháng 6-2014, gia đình tổ chức hôn lễ cho vợ chồng anh chị N, Đ. Sau ngày cưới, vợ chồng về sinh sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận. Tháng 4-2017, chị N đi lao động tại Đài Loan đến năm 2019 về hẫng và vẫn sinh sống cùng gia đình bà. Vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy nhiên gia đình có nghe dư luận về việc chị N có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, nay chị N xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, công sức đúng như anh chị N, Đ trình bày.

Xác minh với trưởng thôn cung cấp như sau: Vợ chồng anh chị N Đ có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị N Đ và gia đình không nhờ cơ sở thôn hòa giải nên cơ sở thôn không nắm được. Cơ sở thôn chỉ biết hiện nay chị N đã về nhà để sinh sống từ nhiều tháng nay và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa đương sự có mặt vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Lê Văn Đ; giao con Lê Thị Ánh N1, sinh ngày 04-8-2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N

không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Xuân ngày 02-6-2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm và trách nhiệm với vợ con, ngoài ra giữa anh Đ và chị N có nghi ngờ, không tin tưởng nhau về tình cảm. Tháng 01-2021 chị N đã đưa con về nhà đẻ sinh sống, tuy anh Đ và gia đình cũng đã nhiều lần đến tìm để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý và đã khởi kiện xin ly hôn anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ và tổ chức hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ mong muốn đoàn tụ của anh Đ không thiện chí, mặt khác anh Đ cũng không có biện pháp tích cực hơn để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị N ly hôn anh Đ để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị N Đ có 01 con chung là Lê Thị Ánh N1, sinh ngày 04-8-2014 hiện con đang ở với chị N. Ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con, chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, anh Đ yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xem xét về căn cứ và điều kiện để giao con thì thấy: Chị N đang trực tiếp nuôi con, có công việc và thu nhập ổn định. Cháu Nguyệt đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo mọi quyền lợi của con, cần tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con của chị N, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị xin nuôi con của anh Đ không được chấp nhận. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N và anh Đ tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Lê Văn Đ.

- Về quan hệ con chung: Giao con là Lê Thị Ánh N1, sinh ngày 04-8-2014 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể 08-2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003756 ngày 27-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *(chị N đã thi hành xong án phí)*

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã X.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

